

CHÍNH SÁCH CỦA MỸ VỚI VẤN ĐỀ THỐNG NHẤT BÁN ĐẢO TRIỀU TIÊN TRONG VÀ SAU THỜI KỲ CHIẾN TRANH LẠNH

Trần Thị Tâm

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Huế

Email: tamklsdhkh@gmail.com

TÓM TẮT

Có thể nói rằng, cho đến nay, bán đảo Triều Tiên là “đường biên giới cuối cùng” của cuộc Chiến tranh lạnh. Do đó, mối quan hệ giữa hai miền Nam – Bắc Triều Tiên vẫn đang ở trong tình trạng chiến tranh nên những xung đột, căng thẳng vẫn luôn thường trực tại đây. Được coi là một vị trí xung yếu trên “bàn cờ địa chính trị” khu vực Đông Bắc Á, bán đảo Triều Tiên luôn thu hút sự quan tâm, can dự của các cường quốc như Nga, Nhật, Trung Quốc và đặc biệt là Mỹ. Với Mỹ, bán đảo Triều Tiên là “cái neo” để Mỹ trụ chân ở Đông Bắc Á - nơi có những lực lượng tiềm ẩn nguy cơ, thách thức ảnh hưởng của Mỹ tại khu vực và trên thế giới không chỉ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh mà cả sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. Mọi động thái chính trị của bán đảo bị chia cắt này, do đó không thể nằm ngoài tầm kiểm soát của Mỹ. Thái độ và chính sách của Mỹ đối với vấn đề thống nhất bán đảo Triều Tiên thực chất là như thế nào? Với việc tìm hiểu chính sách của Mỹ đối với hai miền Nam và Bắc Triều Tiên, bài viết sẽ luận giải làm rõ thái độ của Mỹ đối với vấn đề thống nhất đất nước trên bán đảo Triều Tiên.

Từ khóa: Mỹ, bán đảo Triều Tiên, Chiến tranh lạnh.

1. Sự chia cắt bán đảo và khát vọng thống nhất đất nước của nhân dân Triều Tiên

1.1. Quá trình chia cắt bán đảo Triều Tiên

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, theo quyết định của các cường quốc tại Hội nghị Postdam, bán đảo Triều Tiên bị chia cắt thành hai miền chiếm đóng. Cùng với sự gia tăng căng thẳng và thù địch trong quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô do hiệu ứng của Chiến tranh lạnh, bất chấp việc các cường quốc đã thỏa thuận tại Cairo năm 1943, năm 1948 trên bán đảo đã thành lập hai nhà nước, phát triển theo hai con đường phát triển khác nhau là Hàn Quốc (tên đầy đủ là Đại Hàn Dân Quốc – từ âm tiếng Triều Tiên *Daehan Minguk*) ở miền Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên ở miền Bắc. Sự ra đời của hai nhà nước độc lập với hai chế độ chính trị khác nhau đã đưa đến cuộc chiến tranh Nam – Bắc Triều (1950 – 1953). Cuộc chiến xuất phát từ sự chia cắt và ý thức thống nhất bán đảo bằng sức mạnh quân sự được kết thúc bằng một Hiệp định đình chiến vào ngày 27 tháng 7 năm 1953. Hiệp định này chỉ dừng lại ở việc đình chỉ chiến

sự, còn về mặt chính trị (tức là việc thống nhất) vẫn chưa được giải quyết¹. Nó thực chất là một thỏa thuận ngừng bắn chứ không phải là một hiệp ước hòa bình.

Cho đến nay, một dân tộc đã bị chia cắt thành hai quốc gia tồn tại trên 65 năm, có những thời điểm đi qua là nỗi niềm trăn trở của mỗi người dân Triều Tiên dù sống ở miền Nam hay miền Bắc. Khát vọng thống nhất đã từng tồn tại mãnh liệt và có thể nói là chưa bao giờ nguôi tắt ở trên bán đảo này, đặc biệt với những thế hệ đã chứng kiến cuộc chia cắt ấy, chưa bao giờ coi nhau là người xa lạ, mà vẫn là anh em, là đồng bào... Tuy nhiên, dân tộc Triều Tiên vẫn tiếp tục sống ở hai nhà nước luôn trong tình trạng đối địch trên dải đất hẹp của bán đảo do sự khác biệt về ý thức hệ và do sự can thiệp của các yếu tố bên ngoài,

1.2. Khát vọng thống nhất đất nước của nhân dân Triều Tiên

Cho đến khi Chiến tranh lạnh kết thúc, bán đảo Triều Tiên vẫn luôn ở trong tình trạng đối đầu, căng thẳng. Những nỗ lực của khát vọng thống nhất đất nước hầu như chưa mang lại kết quả, ngoại trừ việc cho ra đời thông cáo năm 1972². Tuy nhiên, trên thực tiễn, Thông cáo này chỉ mới đưa ra được tinh thần chung chứ chưa có kết quả cụ thể. Phải đến cuộc gặp Thượng đỉnh vào tháng 6 năm 2000, tại đây lãnh đạo cấp cao của hai miền đã có cái bắt tay lịch sử, cùng xuất hiện trên truyền hình, làm xúc động hàng triệu trái tim có cùng nguồn cội đang hướng về niềm tin thống nhất. Nó vừa là dấu mốc khép lại thời kỳ đối đầu căng thẳng, vừa tạo đà cho công cuộc hàn gắn vết thương chia cắt với chính sách Ánh Dương (Sunshine Policy) của Tổng thống Hàn Quốc Kim Dae Jung và chính sách “Hòa bình, thịnh vượng của Tổng thống Roh Moo Hyun từ tháng 2 năm 2003. Các chính sách này đã thúc đẩy quan hệ 2 miền về kinh tế cũng như chính trị, và qua đó vấn đề thống nhất đất nước luôn được đề cập như là một mục tiêu cần hướng tới, một ưu tiên hàng đầu. Tuy nhiên, do vấn đề hạt nhân của CHDCND Triều Tiên đã luôn đẩy tình hình bán đảo vào trạng thái “nóng lạnh thất thường” suốt hàng thập kỷ qua. Sự quan tâm về vấn đề đoàn tụ, thống nhất đất nước của công luận cũng như nhân dân hai miền hiện tại được thay thế bằng những vấn đề về CHDCND Triều Tiên và chương trình hạt nhân của nước này. Mặc dù mối quan hệ hai miền chưa thực sự khai thông, vẫn còn những hiềm khích, còn đối đầu song chưa rơi vào tình huống tuyệt vọng. Khát vọng về một bán đảo thống nhất, hòa bình và ổn định đâu đó vẫn luôn cháy bỏng. Và minh chứng cho điều ấy, vào tháng 2 năm 2014, cuộc đoàn tụ thân nhân lần thứ 19 đã diễn ra ở núi Kumgang, thuộc bờ biển phía Đông của Triều Tiên. Cuộc gặp gỡ này nhằm tiến tới cải thiện quan hệ giữa CHDCND Triều Tiên và Hàn Quốc sau những tháng ngày căng thẳng [7]. Mặc dù, còn rất nhiều khó khăn, thách thức nhưng

¹ Nếu so sánh với Hiệp định Genève của Việt Nam thì có thể thấy rõ sự khác biệt. Ở Hiệp định Genève có một điều khoản: “Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử đầu tiên trong cả nước”. Nhưng ở Hiệp định Bàn Môn Điếm (Panmunjom) vấn đề dân tộc, quyền tự quyết, vấn đề thống nhất của nhân dân Triều Tiên đã không được đề cập tới.

² Theo Thông cáo này hai miền sẽ nhất trí tìm cách thống nhất bằng hòa bình, độc lập và ko có sự can thiệp của nước ngoài, để tiến hành việc thống nhất đất nước vượt qua mọi sự khác biệt về tư tưởng và chế độ chính trị của nhau.

việc một bán đảo Triều Tiên thống nhất vẫn có thể hi vọng, một khi nó phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử.

2. Chính sách của Mỹ đối với vấn đề thống nhất bán đảo Triều Tiên

2.1. Thời kỳ Chiến tranh lạnh

Nhận thức được tầm quan trọng của bán đảo Triều Tiên, Mỹ đã từng bước can thiệp vào nội tình khu vực này. Trong hội nghị Cairo (11/1943), Mỹ đã trực tiếp cam kết về tương lai của Triều Tiên. Ba nước Anh, Trung Quốc và Mỹ tuyên bố rằng “*trong thời điểm thích hợp*”, Triều Tiên sẽ được tự do và độc lập. Song, do Mỹ lo ngại rằng sau khi Nhật bại trận sẽ tạo nên khoảng trống quyền lực trên bán đảo và Liên Xô có thể giành lấy cơ hội này để gây ảnh hưởng tại khu vực Đông Bắc Á, nên Mỹ chủ trương trì hoãn độc lập của Triều Tiên và thuyết phục Liên Xô chấp nhận một chế độ thác quản quốc tế tạm thời tại Hội nghị Ianta tháng 2 năm 1945. Với thỏa thuận Moscow, Triều Tiên chia làm hai miền chiếm đóng, lấy vĩ tuyến 38 làm ranh giới tạm thời. Tuy nhiên, tình hình chính trị trên hai miền của bán đảo đã không thể phát triển ra ngoài quỹ đạo của Chiến tranh lạnh. Sự chia cắt bán đảo Triều Tiên làm hai miền, sự ra đời của hai quốc gia với hai đường lối phát triển khác nhau, tiếp sau đó là cuộc chiến tranh Nam - Bắc Triều, một lần nữa, được xem là cái cớ hợp pháp để Mỹ tiến hành can thiệp trực tiếp vào tình hình bán đảo. Kể từ sau chiến tranh Triều Tiên đến nay, Mỹ luôn hiện diện ở nửa phía Nam của bán đảo. Và với Hiệp ước viện trợ kinh tế và quân sự giữa Mỹ và Hàn Quốc (1/1954) “*đã làm cho Hàn Quốc không thể không dính líu đến “cuộc chơi” của người Mỹ trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh*” [8].

Việc ký Hiệp ước an ninh và viện trợ với Nam Triều Tiên cũng giống như việc Mỹ đã lôi kéo một loạt nước vào các Hiệp ước an ninh như với Nhật Bản, Đài Loan; thành lập khối SEATO ở Đông Nam Á, khối ANZUS ở Nam Thái Bình Dương; thuyết phục Nam Triều Tiên và Nhật Bản cải thiện quan hệ với nhau là nhằm mục đích chống Cộng ở Đông Bắc Á. Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, và đặc biệt là với chiến lược ngăn chặn được thực thi ở châu Á, Mỹ coi Hàn Quốc là căn cứ để tạo vòng vây ngăn chặn sự phát triển ảnh hưởng của các nước xã hội chủ nghĩa tại khu vực. Mỹ luôn tìm cách tạo mọi điều kiện cho Hàn Quốc - như một đồng minh châu Á của Mỹ, nâng cao tiềm lực quân sự, quốc phòng; vừa để chống lại miền Bắc, vừa tăng khả năng ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội tại khu vực. Trong chiến tranh Triều Tiên, dưới danh nghĩa Liên Hợp Quốc, Mỹ trực tiếp tham chiến giúp Nam Triều Tiên chống lại quân đội miền Bắc. Sau khi Hiệp định đình chiến được ký kết, lẽ ra Mỹ phải rút quân về nước để nhân dân Triều Tiên tổ chức Hội nghị Hiệp thương và trao lại cho họ quyền tự quyết dân tộc... Nhưng Mỹ đã có những hành động ngược lại, chẳng hạn như tìm mọi cách phá hoại Hội nghị trù bị chính trị của hai miền nhằm tiến tới thống nhất dân tộc. Ở Hội nghị Genève (tháng 4/1954) Mỹ không những không đề cập đến việc rút quân khỏi Nam Triều Tiên mà còn vi phạm vào những điều khoản của Hiệp định đình chiến đã ký trước đó (7/1953) như “*cấm các bên không được đưa thêm quân đội và vũ khí vào Triều Tiên*”. Thay vào đó, Mỹ luôn duy trì khoảng 37.000 (hiện tại là 28.500) lính Mỹ tại

Nam Triều Tiên, và coi đó là việc làm tất nhiên, dù Bắc Triều Tiên và phía Liên Xô, Trung Quốc lên tiếng kêu gọi rút quân. Theo Mỹ, nếu thực hiện chính sách rút quân không chỉ đồng nghĩa với việc “bỏ rơi” Nam Triều Tiên mà còn giảm bớt cam kết với an ninh Mỹ – Nhật Bản, và như thế sẽ tạo nên “khoảng trống quyền lực” ở một địa điểm then chốt là Nam Triều Tiên. Hàn Quốc là “chiếc neo” lợi ích của Mỹ tại lục địa châu Á vào thời điểm này.

Về mặt kinh tế, trong giai đoạn từ năm 1948 đến đầu thập niên 1960, những khoản viện trợ của Mỹ thực sự là cứu cánh đối với Hàn Quốc, nó làm cho quan hệ giữa hai chủ thể này trở thành “kẻ cho, người nhận”. Nhưng, đến thời kỳ cầm quyền của Tổng thống Park Chung Hee, ngoài việc tận dụng tối đa nguồn viện trợ bên ngoài, chủ yếu từ Mỹ cùng với đó chiến lược phát triển hướng ra bên ngoài đã làm cho diện mạo của Nam Triều Tiên ngày càng thay đổi. Theo đó, mối quan hệ giữa Mỹ và Hàn Quốc từ những năm 1961 đến năm 1979, kiểu quan hệ chi phối, phụ thuộc bắt đầu giảm dần, thay vào đó là quan hệ cạnh tranh bình đẳng giữa hai đối tác. Mỹ đã điều chỉnh chính sách của mình, đặc biệt là đối với các nước ở khu vực châu Á. Cụ thể, ở Hàn Quốc, Mỹ đã cắt giảm viện trợ kinh tế và kể cả quân sự, chuyển quan hệ kiểu viện trợ sang quan hệ kiểu cho vay; thông qua đó, Hàn Quốc ngày càng tạo dựng cho mình thế đứng độc lập hơn, nhất là về kinh tế.

Sang thập niên 1980, quan hệ Hàn - Mỹ về an ninh chính trị vẫn tiếp diễn, chính sự phát triển quan hệ đồng minh ngày càng sâu sắc trên nhiều lĩnh vực khiến Mỹ coi việc bảo vệ Hàn Quốc là một lợi ích căn bản của chính mình. Mục tiêu đỉnh lú của Mỹ đối với quốc gia này hầu như không thay đổi là ngăn chặn cuộc tấn công của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên. Và thái độ của Hàn Quốc đối với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên như thế nào cũng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến mối quan hệ “*máu thịt*” mà hai nước đã duy trì bấy lâu [8]. Tuy vậy, cùng với sự phát triển về kinh tế, Hàn Quốc bắt đầu nhận thức lại mình trong mối quan hệ với Mỹ, nước này không muốn phụ thuộc quá nhiều vào Mỹ mà muốn triển khai một chính sách đối ngoại “có cá tính”. Với khả năng kinh tế, những đòi hỏi về chính trị trong bối cảnh quốc tế có xu hướng phân chia thành nhiều cực thì việc tìm cách khẳng định mình trên chính trường quốc tế của Hàn Quốc là một việc làm tất yếu. Rất nhiều cuộc đấu tranh, biểu tình của nhân dân, nhất là các tầng lớp sinh viên ở Nam Triều Tiên chống lại Mỹ vì cho rằng: Mỹ luôn tìm mọi cách để can thiệp vào công việc nội bộ của đất nước họ. Tuy nhiên, quan hệ giữa hai nhà nước vẫn duy trì sự gắn bó, đặc biệt là về an ninh, quân sự. Đó cũng là lý do cho tới nay khoảng 28.500 quân Mỹ vẫn có mặt tại Hàn Quốc.

Với Bắc Triều Tiên, trên tinh thần chống Cộng ráo riết, Mỹ luôn thực hiện chính sách kiềm chế về quân sự, cô lập về ngoại giao, cấm vận về kinh tế với CHDCND Triều Tiên. Quan hệ giữa Mỹ và Bắc Triều Tiên trong suốt thời kỳ Chiến tranh lạnh luôn ở trong tình trạng đối đầu. Mỹ đã tổ chức nhiều hoạt động chống phá Bắc Triều Tiên, như từ sau Hiệp định đình chiến đến tháng 2 năm 1959 máy bay quân sự Mỹ đã xâm phạm

không phận Bắc Triều Tiên tới 1721 lần, 966 vụ tổ chức vũ trang nổ súng tung gián điệp vào khu giới tuyến hoặc khu phi quân sự... nhằm vào CHDCND Triều Tiên [3:27].

Có thể thấy, sự có mặt của Mỹ với chính sách “phân tuyến” ủng hộ, ràng buộc miền Nam; ngăn chặn và tìm mọi cách cô lập miền Bắc là một trong những nguyên nhân làm cản trở tiến trình thống nhất ở bán đảo Triều Tiên trong những năm 1960 đầu thập niên 1970. Nguy cơ xảy ra chiến tranh vẫn thường trực ở khu vực giáp ranh trong giai đoạn này.

Chính sách ủng hộ Nam Triều Tiên, cô lập Bắc Triều Tiên của Mỹ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh nhằm tạo thế “liên hoàn” trong vành đai chống Cộng ở Đông Bắc Á – nơi cận kề Liên Xô và Trung Quốc, là những đối thủ của Mỹ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh; là thể hiện ý muốn chia cắt lâu dài bán đảo Triều Tiên, ngăn chặn một cuộc tấn công từ miền Bắc đối với miền Nam; do đó vô hình chung tạo nên những bất ổn, là cơ để Mỹ duy trì sự có mặt của mình tại đây. Nhưng chính sách Triều Tiên của Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh đã có những thay đổi nhất định.

2.2. Thời kỳ sau Chiến tranh lạnh

Sự kết thúc của Chiến tranh lạnh đã làm các nước lớn không chỉ điều chỉnh quan hệ với nhau mà còn dẫn đến việc điều chỉnh chính sách với các “*di sản*” mà chính họ là người đã tạo ra. Quan hệ Mỹ – Bắc Triều Tiên, quan hệ Trung Quốc – Hàn Quốc đều được cải thiện đáng kể. Sau những năm tháng căng thẳng trong Chiến tranh lạnh, ít ai nghĩ rằng giữa Mỹ và CHDCND Triều Tiên lại có thể cùng ngồi vào bàn đàm phán với nhau. Trên thực tế, Mỹ đã nới lỏng dần chính sách cô lập, kiềm chế đối với Bắc Triều Tiên. Kể từ tháng 10 năm 1988, Tham tán chính trị sứ quán Mỹ và đại diện Sứ quán Bắc Triều Tiên ở Bắc Kinh đã gặp nhau 10 lần để trao đổi làm rõ quan điểm về quan hệ giữa hai bên. Việc CHDCND Triều Tiên trao trả hài cốt lính Mỹ trong chiến tranh Triều Tiên cho thấy những dấu hiệu khả quan trong việc cải thiện quan hệ giữa Mỹ và CHDCND Triều Tiên.

Từ năm 1989, Mỹ đã có những động thái mới trong chính sách Triều Tiên như: tăng cường tiếp xúc với Bắc Triều Tiên; khuyến khích các công dân Bắc Triều Tiên đi thăm Mỹ với tư cách cá nhân; cho phép các công dân Mỹ đi thăm Bắc Triều Tiên với tư cách cá nhân; cho phép xuất khẩu lương thực và thực phẩm có giới hạn của Mỹ sang Bắc Triều Tiên để đáp ứng nhu cầu nhân đạo [3:36].

Sở dĩ có những động thái mới trong chính sách của hai phía như trên là do sự tan băng của Chiến tranh lạnh. Lúc này, quan hệ liên minh mang tính ý thức hệ mặc dù vẫn còn nhưng đã mờ nhạt đi ít nhiều. Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ làm thay đổi hoàn toàn cục diện quan hệ quốc tế. Cả Nga và Trung Quốc sau đó đều đã thiết lập quan hệ với Hàn Quốc, còn quan hệ với Bắc Triều Tiên cũng có những dấu hiệu lỏng lẻo, biểu hiện như: vào tháng 9 năm 1995 Nga và Bắc Triều Tiên đã chính thức hủy bỏ Hiệp ước ký năm 1961. Và điều quan trọng nhất ảnh hưởng đến chính sách của Mỹ với CHDCND Triều Tiên là sự gia tăng mạnh mẽ của xu thế thống nhất đất nước trong

những năm sau Chiến tranh lạnh. Quan hệ giữa hai miền Triều Tiên mặc dù chịu ảnh hưởng từ chính sách của Mỹ nhưng đang phát triển theo chiều hướng xích lại gần nhau nhờ những nỗ lực ngoại giao của lãnh đạo cấp cao hai miền, đặc biệt là các chính sách “hòa bình, thịnh vượng” từ phía Hàn Quốc. Một khi quan hệ CHDCND Triều Tiên và Hàn Quốc thay đổi, chính sách của Mỹ với Bắc Triều Tiên cũng theo đó phải thay đổi. Đây là mối quan hệ hai chiều tương hỗ thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh.

Âm mưu của Mỹ là hình thành một khuôn khổ cơ bản trong chính sách của mình với bán đảo Triều Tiên. Đã có những bình luận cho rằng Mỹ muốn duy trì bán đảo ở trong trạng thái không ổn định với mức độ nhất định nằm trong phạm vi kiểm soát của Mỹ, bởi theo lập trường của Mỹ một bán đảo Triều Tiên quá hòa dịu hoặc quá căng thẳng đều không phù hợp với lợi ích của Mỹ [4:7]. Điểm khác biệt dễ nhận ra trong chính sách của Mỹ với “vấn đề Triều Tiên” trong và sau Chiến tranh lạnh là Mỹ tìm cách để “lôi kéo” Bắc Triều Tiên chứ không hoàn toàn là cô lập, gây sức ép như trước kia. Có lẽ vì thế mà có một giai đoạn Bắc Triều Tiên hi vọng rằng để giải quyết vấn đề thống nhất đất nước trước tiên phải đàm phán tay đôi với Mỹ, khiến cho Nam Triều Tiên có những phản ứng gay gắt vì cho rằng Bắc Triều Tiên muốn gạt họ sang một bên để đàm phán với nước này.

Công cuộc đàm phán giữa Mỹ và Bắc Triều Tiên chính thức xuất hiện từ sau sự kiện Bắc Triều Tiên rút khỏi Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) vào năm 1993 với lý do phản đối quyết định trừng phạt của Liên Hợp Quốc vì đã không cho cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) thanh sát các cơ sở hạt nhân. Bên cạnh đó Bắc Triều Tiên biết rõ từ lâu Mỹ luôn quan tâm đến vấn đề hạt nhân nên tìm cách lôi kéo quốc gia này vào đàm phán song phương để phá vỡ thế cô lập của mình.

Cuối cùng, Bắc Triều Tiên đã thành công với kế hoạch trên bằng sự kiện vào tháng 10 năm 1994, hai bên đã ký được thỏa thuận Hiệp định khung với nội dung mà Mỹ mong muốn là Bình Nhưỡng ngừng hoạt động và cuối cùng là tháo gỡ các lò phản ứng hạt nhân, niêm phong các thiết bị tái xử lý vật liệu hạt nhân. Đổi lại Mỹ sẽ cung cấp lò phản ứng hạt nhân nước nhẹ và trước khi hai nhà máy điện hạt nhân đi vào hoạt động Mỹ sẽ phải cung cấp cho Bắc Triều Tiên 500.000 tấn dầu mỗi năm. Nhưng việc thực thi Hiệp định này đều bị hai bên cản trở: phía Mỹ thì không thực hiện đúng tiến độ thi công công trình lò phản ứng hạt nhân nước nhẹ (mới hoàn thành được 25% khối lượng công trình), còn phía Bình Nhưỡng lại có những hoạt động bí mật khôi phục và phát triển các công trình hạt nhân. Hai bên đều tìm cách biện minh cho hành động của mình nhưng về cơ bản là do chưa có sự tin tưởng lẫn nhau; sự thiếu tinh thần trách nhiệm chấp hành các điều khoản của Hiệp định từ cả hai phía [5:84].

Nhưng có thể nói, việc ký Hiệp định khung năm 1994 cũng là bước tiến trong quan hệ giữa Mỹ và Bắc Triều Tiên sau cả một chặng đường dài đối đầu gay gắt. Nó là biểu hiện từ chính sách “tranh thủ Mỹ” của Bắc Triều Tiên, là hành động đầu tiên trong việc điều chỉnh chính sách ở Đông Bắc Á của Hoa Kỳ.

Cho đến trước năm 1998, chính sách của Mỹ với Bắc Triều Tiên đã có những thay đổi đáng kể. Hai bên đã cho mở văn phòng liên lạc tại Bình Nhưỡng và Washington. Nhưng ngay lúc đó các hoạt động từ phía Bắc Triều Tiên lại làm cản trở quan hệ hai bên vừa mới có những khởi sắc. Bắc Triều Tiên cho rằng giờ là lúc cần phải thay thế Hiệp định đình chiến năm 1953 bằng một Hiệp định hòa bình vĩnh viễn cho bán đảo Triều Tiên. Cùng với đó họ tuyên bố đã thành lập một phái đoàn mới ở Bàn Môn Điểm có thể thay thế cho Ủy ban đình chiến và rút đại diện của mình ra khỏi Ủy ban đình chiến (MAC) nhằm vô hiệu hóa cơ chế đình chiến trước đây. Ngoài ra Bắc Triều Tiên còn tỏ ra gay gắt hơn; tuyên bố sẽ không thực hiện nghĩa vụ thành lập khu phi quân sự như trước đây... Tất cả mọi hành động này của Bắc Triều Tiên là nguyên nhân dẫn đến cuộc họp Thượng đỉnh Mỹ – Hàn Quốc tại Jeju vào ngày 16 tháng 4 năm 1996. Cả Mỹ và Hàn Quốc đều lo sợ CHDCND Triều Tiên sẽ đẩy mạnh các hoạt động quân sự tại khu vực Bàn Môn Điểm; đều nhận thức cần phải tiến hành một cuộc đàm phán trong đó có đại diện của cả Nam và Bắc Triều Tiên cùng với phía Mỹ và Trung Quốc – hai thành phần có trách nhiệm trực tiếp tới Hiệp định đình chiến và tiến trình hòa bình của bán đảo Triều Tiên. Cuối cùng quyết định tổ chức cuộc đàm phán 4 bên đã được Mỹ và Hàn Quốc nhất trí sau đó thông báo cho Bắc Triều Tiên biết. Mục đích của đàm phán 4 bên là: “tạo ra một quá trình đối thoại nhằm đạt được một Hiệp định hòa bình lâu dài và tìm ra các biện pháp làm dịu căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên” [1:69]. Trong cuộc đàm phán này hai miền Nam – Bắc Triều Tiên sẽ giữ vai trò trụ cột và họ phải là người tính toán cân nhắc rất kỹ lưỡng giữa lợi ích của chính họ với lợi ích của Mỹ của Trung Quốc và các nước láng giềng. Mỹ và Trung Quốc sẽ đóng vai trò, với tư cách là chủ thể hợp tác, còn việc kiếm tìm một giải pháp hòa bình về cơ bản phải là do hai miền chủ động đưa ra. Hai miền phải làm sao để đưa ra một Hiệp định hòa bình thay thế Hiệp định đình chiến và phải được thừa nhận về mặt pháp lý của Mỹ và Trung Quốc. Đề nghị tổ chức hội nghị đàm phán 4 bên là xuất phát từ sáng kiến 2 + 2 của Hàn Quốc nhằm tiến hành từng bước để xây dựng và củng cố lòng tin giữa hai bên. Các vấn đề khác như quan hệ Mỹ – Bắc Triều Tiên theo đó cũng được cải thiện và vấn đề viện trợ kinh tế cho Bắc Triều Tiên cũng sẽ được đưa ra thảo luận... Nếu quá trình đàm phán diễn ra tốt đẹp sẽ có tác động to lớn đến quan hệ các bên trên bán đảo Triều Tiên; làm giảm căng thẳng và tạo nên cơ chế mới: đối thoại và hợp tác giữa các bên có liên quan trên bán đảo Triều Tiên.

Cuối cùng sáng kiến về hội đàm 4 bên được cả hai miền Nam – Bắc Triều Tiên, Mỹ và Trung Quốc đồng ý tiến hành vào tháng 10 năm 1998. Nhưng kết quả đưa lại lại không nhiều, ngoại trừ việc nhất trí thành lập hai tiểu ban nhằm tạo ra cơ chế hòa bình và giảm căng thẳng cho bán đảo Triều Tiên. Điều này có liên quan đến nhiều vấn đề tế nhị về mặt lợi ích của Mỹ và Trung Quốc tại đây. Hơn nữa trong thời gian này Bắc Triều Tiên lại có những hoạt động làm cho các bên cảm thấy quan ngại: tháng 6 năm 1998 tàu ngầm Bắc Triều Tiên đi vào hải phận Hàn Quốc; tháng 8 năm 1998 tên lửa ba tầng của CHDCND Triều Tiên bắn qua không phận Nhật Bản buộc Chính phủ Nhật lên tiếng... Bắc Triều Tiên thì nói rằng mình phóng vệ tinh còn Mỹ cho rằng họ phóng tên

lừa gạt và sau đó tăng cường hoạt động do thám CHDCND Triều Tiên... Nhiều người đã đổ lỗi cho Bắc Triều Tiên đã làm cản trở đàm phán 4 bên cũng như tiến trình hòa bình nói chung, nhưng một thực tế là cả Mỹ và Trung Quốc đều xem Triều Tiên là “con át chủ bài” để dung hòa cho trạng thái vừa như là ổn định, lại vừa như là căng thẳng đủ để bảo đảm lợi ích chiến lược của nhau, nhất là với Mỹ.

Mặc dù từ năm 1998 trở đi luôn gặp vướng mắc trong vấn đề hạt nhân nhưng chính sách của Mỹ với Bắc Triều Tiên không còn quá cứng rắn như trước, đặc biệt là từ sau cuộc gặp gỡ Liên Triều tháng 6 năm 2000. Việc cải thiện quan hệ Liên Triều trở thành điều kiện tiên quyết cải thiện quan hệ giữa Mỹ và Bắc Triều Tiên. Quan hệ giữa Mỹ và Hàn Quốc cũng chịu ảnh hưởng của quan hệ Liên Triều. Các cặp quan hệ này có mối liên hệ biện chứng với nhau.

Trước những thành quả trong quan hệ hai miền, chính quyền B.Clinton đã tiếp tục giảm bớt một số biện pháp trừng phạt kinh tế đã được áp đặt từ những năm 1950, cho phép các công ty liên doanh của Mỹ được phép xuất nhập khẩu các mặt hàng sang Bắc Triều Tiên. Mỹ đã nhận ra rằng: giờ đây Bắc Triều Tiên không còn là quốc gia cô lập tuyệt đối như trong thời kỳ Chiến tranh lạnh nữa, mà đã chịu đàm phán với Hàn Quốc và đã thiết lập quan hệ với các quốc gia khác. Ngày 10 tháng 10 năm 2000, tại Nhà trắng đã diễn ra cuộc gặp gỡ giữa tổng thống B.Clinton và Phó Chủ tịch Quốc phòng CHDCND Triều Tiên Jo Myong Rok cùng với lá thư bày tỏ quan điểm của Chủ tịch Kim Jong Il. Dù hai bên chưa có mối quan hệ ngoại giao chính thức song trong cuộc gặp lần này đã bàn tới việc mở phòng thông tin tại thủ đô hai nước – cơ quan tiền thân của đại sứ quán, chuẩn bị cho việc thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức trong thời gian sắp tới. Đây là cuộc gặp cấp cao đầu tiên của đại diện hai nhà nước từ sau cuộc chiến tranh Triều Tiên 1950 – 1953. Ngay sau chuyến thăm của Phó Chủ tịch Quốc phòng Triều Tiên, Nhà Trắng đưa ra một quyết định rất đột ngột: Ngoại trưởng Albright sẽ thăm Bình Nhưỡng trong tháng 10 năm đó. Albright trở thành vị quan chức cấp cao nhất của chính quyền Mỹ sang thăm CHDCND Triều Tiên trong vòng 50 năm cho đến lúc bấy giờ. Chuyến thăm Bình Nhưỡng của Albright không chỉ có ý nghĩa tượng trưng mà nó còn có ý nghĩa thực tiễn rất cao, chuyến thăm này đã mở đường cho ý định đến thăm Bình Nhưỡng của Tổng thống B. Clinton vào tháng 10 năm 2000. Cách đón tiếp và thái độ của Chủ tịch Kim Jong Il đã cho thấy sự thay đổi trong cách giao tiếp của CHDCND Triều Tiên với cộng đồng quốc tế. Nó cũng tạo ra góc nhìn mới trong chính sách của Washington về Bắc Triều Tiên cũng như về vị lãnh tụ thứ hai của đất nước này với đường lối đối ngoại cởi mở hơn.

Cũng giống như đàm phán 4 bên, nhiều người đã kỳ vọng vào quyết định đi thăm Bình Nhưỡng của Tổng thống B.Clinton. B.Clinton là vị tổng thống vào những năm cuối của nhiệm kỳ thứ hai của mình đã có chính sách ngoại giao khá mềm mỏng, cởi mở với các quốc gia từng có “quá khứ không yên lành” với nước Mỹ. Với vấn đề Triều Tiên ông từng nói: “Cùng với Chiến tranh lạnh tan theo lịch sử, một nước Triều Tiên chia cắt tồn tại là một trong số những tàn dư cay đắng hơn cả. Dân tộc chúng tôi

cùng với các bạn tin rằng một ngày nào đó sự chia cắt “giả tạo” ở Triều Tiên rồi sẽ chấm dứt theo những điều kiện do nhân dân Triều Tiên chấp nhận. Chúng tôi ủng hộ sự nghiệp thống nhất hòa bình ở Triều Tiên” [3:43]. Tuy nhiên, chuyến thăm CHDCND Triều Tiên của B. Clinton đã bị hủy bỏ và theo đó những kế hoạch lớn đối với Bắc Triều Tiên đều bị đình hoãn như việc giúp CHDCND Triều Tiên phóng vệ tinh; việc xóa bỏ cấm vận kinh tế hoàn toàn; việc lập văn phòng liên lạc giữa hai nước; việc xóa tên CHDCND Triều Tiên khỏi danh sách các nhà nước bảo trợ khủng bố; hay việc viện trợ kinh tế để đổi lấy việc Bình Nhưỡng từ bỏ phát triển tên lửa đạn đạo... Chính quyền của Đảng Cộng hòa kế nhiệm đã có thái độ cứng rắn trở lại với Bắc Triều Tiên. Chính phủ Bush đã làm một cuộc “xét duyệt lại” tất cả các chính sách của chính quyền Clinton, theo đuổi một lập trường và chính sách cứng rắn hơn với CHDCND Triều Tiên. Những chính sách mới đã làm trì hoãn tiến trình hòa bình ở đây và làm giảm bớt bầu không khí lạc quan ấm áp từ sau cuộc gặp thượng đỉnh. [5:64-65].

Trong cuộc hội đàm với Tổng thống Hàn Quốc Kim Tae Jung tại Washington vào tháng 3 năm 2001, Tổng thống Bush đã nói rất rõ ràng về việc xem xét lại chính sách của Mỹ với Bắc Triều Tiên vì cho rằng: Bắc Triều Tiên là “mối đe dọa thực sự” của Mỹ. Dư luận quốc tế cho đây là cái cớ để chính quyền Mỹ đẩy mạnh kế hoạch thiết lập hệ thống tên lửa xuyên quốc gia đang bị dư luận trong và ngoài nước phản đối. Quan điểm trên được Ngoại trưởng Colin Powell khẳng định trong một cuộc điều trần trước Thượng viện khi nhấn mạnh sự cần thiết phải áp đặt nguyên tắc “có đi có lại” chặt chẽ trong quan hệ giữa Mỹ và Bắc Triều Tiên. Có thể thấy chính quyền Bush bắt đầu “xem xét lại” các chính sách của chính quyền Clinton với CHDCND Triều Tiên, bởi họ cho rằng đã có sự “vội vã và thái quá” trong việc bình thường hóa quan hệ với Bình Nhưỡng. Chính quyền mới ở Mỹ đã tỏ thái độ cứng rắn khi cho rằng: mọi chính sách của Mỹ là “hoàn toàn tùy thuộc vào thái độ của Bắc Triều Tiên”, CHDCND Triều Tiên vẫn là nguy cơ quân sự an ninh của Mỹ [1:73].

Thái độ “điều hòa” của chính quyền Bush đã làm ngưng trệ quan hệ giữa Mỹ với Bắc Triều Tiên; và có thể nói, ở một mức độ nhất định đã góp phần làm ngưng trệ quan hệ giữa hai miền Bắc – Nam Triều Tiên. Kể từ tháng 11 năm 2001 các cuộc đàm phán Liên Triều nhằm đi đến thống nhất hai miền đều bị đình chỉ, tình hình trên bán đảo có nguy cơ trở lại trạng thái căng thẳng, đối đầu như nó đã từng tồn tại trong nửa thế kỷ qua. Một điều dường như đã trở thành quy luật: cứ mỗi khi có tia hi vọng nào đó của tiến trình thống nhất lóe lên thì hoặc là Mỹ hoặc là CHDCND Triều Tiên bằng những hành động của mình ngay lập tức dập tắt nó. Lý do của Bắc Triều Tiên là muốn tìm cách thu hút sự chú ý của cộng đồng quốc tế về sự “kỳ bí” của chính họ. Còn về phía Mỹ là muốn duy trì bán đảo ở trạng thái để ngỏ khả năng dùng vũ lực tấn công quân sự Bắc Triều Tiên vì cho rằng cần phải trừng phạt chính sách hạt nhân và âm mưu chế tạo vũ khí giết người hàng loạt của Bình Nhưỡng. Quan hệ Mỹ – CHDCND Triều Tiên trở nên xấu đi khi Mỹ chính thức liệt Bắc Triều Tiên vào cái gọi là “trục ma quỷ” cùng với Iran và Iraq.

Đàm phán 6 bên về vấn đề hạt nhân của Bắc Triều Tiên bị gián đoạn từ năm 2007, đến tháng 10 năm 2011 cả Mỹ, Hàn Quốc và Bắc Triều Tiên đều bày tỏ thành ý muốn nối lại đàm phán. Nhưng, sự kiện Chủ tịch Kim Jong Il qua đời vào tháng 12 năm 2011 đã làm gián đoạn mọi kế hoạch. Và, việc Hàn Quốc không bày tỏ sự chia buồn với Bắc Triều Tiên qua sự kiện này, cũng như việc tổ chức các cuộc tập trận chung định kỳ với Mỹ đang ngày càng khoét sâu mâu thuẫn giữa hai bên và đẩy tiến trình thống nhất xa xôi dần.

Và cho đến nay sau 6 vòng đàm phán 6 bên (CHDCND Triều Tiên, Hàn Quốc, Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản) thì vấn đề hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên vẫn đang rơi vào tình trạng bế tắc khi Bắc Triều Tiên tuyên bố không tham gia đàm phán và ký kết. Như thế nghĩa là Bắc Triều Tiên có thể sẽ trở thành một trong những mục tiêu tấn công bằng vũ khí hạt nhân của Mỹ. Tuy nhiên giới phân tích cho rằng dù có đưa ra những lời răn đe nhưng chính quyền Mỹ thừa hiểu CHDCND Triều Tiên không phải là một đối thủ để Mỹ có thể áp dụng biện pháp quân sự như với Iraq vì điều đó sẽ đụng chạm đến hai nước lớn là Nga và Trung Quốc. Và, lẽ dĩ nhiên nếu một khi Bình Nhưỡng từ bỏ chương trình nghiên cứu hạt nhân, Mỹ rõ ràng không thể cứ duy trì mãi chính sách bao vây và cô lập với Bắc Triều Tiên.

Trong khi đó, sau Chiến tranh Lạnh, Mỹ tiếp tục để Hàn Quốc trong vòng ảnh hưởng của mình nhằm phục vụ cho các lợi ích an ninh của Mỹ. Điều này được thể hiện qua việc Mỹ thúc ép Hàn Quốc đưa vào chương trình nghị sự vấn đề tên lửa và hạt nhân của Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, gây sức ép buộc Hàn Quốc không được thảo luận vấn đề tồn tại quân đội Mỹ trong các cuộc đàm phán. Mặt khác, sức mạnh của Mỹ giờ đây cũng không còn giống trước nên Mỹ ưu tiên cho phát triển kinh tế và có những điều chỉnh trong các cam kết an ninh với Hàn Quốc. Tổng thống Clinton tuyên bố *“Mỹ không có ý định gánh vác mọi chi phí cho sự hiện diện quân sự của mình ở Châu Á và các trách nhiệm cho vai trò lãnh đạo khu vực khi điều đó làm cản trở sự tăng trưởng của Mỹ”*. Vì vậy, Mỹ coi trọng vai trò hỗ trợ của Hàn Quốc trong việc chia sẻ gánh nặng phòng thủ và phối hợp giải quyết các vấn đề an ninh trên Bán đảo [8]. Theo đó, Hàn Quốc phải chia sẻ kinh phí triển khai binh sĩ Mỹ, khoảng 860 tỉ won/tháng. Và con số này đang được phía Mỹ yêu cầu tăng lên 1.000 tỉ won/tháng do mối đe dọa an ninh từ CHDCND Triều Tiên gia tăng [9].

Với sự lớn mạnh về kinh tế, Hàn Quốc đã có chính sách ngoại giao độc lập. Sự hiện diện của lính Mỹ trên lãnh thổ Nam Triều Tiên đang gây nên những tác động không tốt trong dư luận xã hội tại nước này. Thái độ chống Mỹ ngày càng lan rộng trong các tầng lớp nhân dân. Trong một cuộc thăm dò dư luận được tiến hành vào tháng 9 năm 2000 tại Hàn Quốc cho thấy có 67,3 % số người được hỏi ủng hộ việc Mỹ rút dần quân đội khỏi Nam Triều Tiên, còn 10,7 % cho rằng Mỹ cần phải rút quân ngay lập tức [2:4].

Về bản chất quan Hàn - Mỹ trong trật tự thế giới mới sau Chiến tranh Lạnh vẫn tiếp tục nhưng đã mang màu sắc khác trước. Về kinh tế, quan hệ *“viện trợ và nhận viện*

trợ” hay quan hệ “*một chiều*” của những năm 1950, 1960 giữa Hàn Quốc và Mỹ giờ đây không còn nữa, thay vào đó là một mối quan hệ bình đẳng thực sự giữa hai đối tác [8]. Nhưng về an ninh chính trị, quan hệ giữa Mỹ với Nam Triều Tiên ở một khía cạnh nào đó vẫn khá tế nhị và phức tạp. Hàn Quốc trong nhiều vấn đề vẫn luôn thể hiện với tư cách là đồng minh chiến lược của Mỹ. Trong khi chính phủ Hàn Quốc vẫn gửi điện chia buồn cùng Mỹ nhân sự kiện 11 tháng 9 năm 2000; vẫn cung cấp lương thực khi Mỹ tấn công Afghanistan; Iraq... thì trên khắp các đường phố ở Seoul sinh viên vẫn tiến hành mít tinh, biểu tình phản đối các cuộc tấn công đó của Mỹ. Chính phủ Hàn Quốc dù muốn hay không vẫn cần đến Mỹ vì lý do an ninh. Hiện nay mặc dù Hàn Quốc có tiềm lực kinh tế hơn hẳn Bắc Triều Tiên nhưng về quân sự họ vẫn tỏ ra yếu hơn. Ngoài lực lượng hải quân, về lực lượng và không quân Hàn Quốc đều thua xa CHDCND Triều Tiên.

Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh Mỹ đã cam kết bảo vệ Hàn Quốc và sự có mặt của lính Mỹ trên đất Hàn Quốc là để thực hiện sứ mạng đó. Nhưng, trước bối cảnh quốc tế và khu vực đã thay đổi, và trước sức ép của dư luận, Mỹ buộc phải có kế hoạch rút khoảng 12.500 quân (khoảng 1/3) khỏi Hàn Quốc [6]. Thực tế, số lượng lính Mỹ đã giảm từ con số 37.000 xuống còn 28.500.

Đứng trước những thay đổi trên, một vấn đề được dư luận quan tâm là về khả năng Hoa Kỳ sử dụng vũ lực đối với Bắc Triều Tiên, sau đó tiến hành sáp nhập vào Nam Triều Tiên để tạo ra “phiên bản” Triều Tiên mới như Mỹ mong muốn tức là một đồng minh của Mỹ.

Chính sách được tuyên bố công khai của Mỹ là ủng hộ hai miền Triều Tiên đối thoại, đàm phán hòa bình để tiến tới thống nhất bán đảo Triều Tiên. Tuy nhiên, điều cần bàn là việc thống nhất Triều Tiên diễn ra nhanh chóng sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích của Mỹ ở Đông Bắc Á, đặc biệt là về kinh tế và an ninh. Một nước Triều Tiên thống nhất sẽ làm mất đi cơ sở chủ yếu cho sự hiện diện của lính Mỹ tại đây. Và, nếu chương trình tên lửa hạt nhân của CHDCND Triều Tiên vẫn làm Mỹ lo ngại bấy lâu thì triển vọng thống nhất Nam – Bắc Triều sẽ làm xuất hiện một nước lớn có vũ khí hạt nhân, có thể sẽ không phải là đồng minh của Mỹ, thậm chí đối kháng với Mỹ càng làm cho Mỹ lo ngại. Dù có vũ khí hạt nhân hay không nhưng một nước Triều Tiên thống nhất kết hợp được tiềm lực kinh tế - kỹ thuật, khoa học công nghệ của Hàn Quốc với tiềm lực quân sự quốc phòng của CHDCND Triều Tiên cộng với tính cố kết dân tộc, tinh thần tự tôn của người Triều Tiên là một viễn cảnh mà người Mỹ rất không chờ đợi. Chính vì vậy mà Mỹ không muốn tiến trình thống nhất bán đảo Triều Tiên kết thúc trước khi Mỹ thành công trong việc “chuyển hóa” Bắc Triều Tiên và lái nước này đi vào quỹ đạo ảnh hưởng của mình.

Xét về quyền lợi của Mỹ trong việc sử dụng vũ lực chống CHDCND Triều Tiên, cái mà Mỹ có được ở đây là một cục diện mới trên bán đảo Triều Tiên theo cách mà Mỹ muốn, tức là Mỹ có quyền “tham dự” và chi phối nội tình bán đảo này. Song, trong thời điểm hiện tại, nếu chiến tranh nổ ra ở Bắc Triều Tiên đồng nghĩa với việc Mỹ sẽ mất đi

những cơ hội làm ăn với khu vực hiện đang phát triển năng động nhất thế giới: châu Á – Thái Bình Dương. Chỉ riêng về kinh tế, Đông Bắc Á là khu vực Mỹ thu được nhiều lợi ích vật chất nhất. Trong giá trị nhập siêu mậu dịch của Mỹ có tới 82 % liên quan đến khu vực châu Á – Thái Bình Dương, trong đó có 65 % là xuất phát từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan. Trong trường hợp Mỹ sử dụng vũ lực tấn công Bắc Triều Tiên thì mọi cơ hội làm ăn với châu Á của Mỹ sẽ bị đình lại, các dòng vốn và hàng hóa sẽ chuyển đổi theo hướng có lợi cho Châu Âu hơn là Mỹ, khiến đồng Euro nhanh chóng dẫn ưu thế hơn hẳn so với đồng USD, cục diện bá chủ của Mỹ bị phá vỡ... Những suy tính trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, tiền tệ có thể sẽ là một nhân tố kiềm chế việc Mỹ sử dụng vũ lực đối với CHDCND Triều Tiên [5:168]. Như vậy, khả năng dùng vũ lực của Mỹ đối với Bắc Triều Tiên là rất khó xảy ra nhưng không phải đã ngoại trừ hoàn toàn. Phương thức còn lại trong chính sách của Mỹ có lẽ sẽ là lôi kéo, gây sức ép bằng phương pháp hòa bình để từng bước thực hiện mục tiêu chiến lược của mình đối với Bắc Triều Tiên. Dù có diễn ra với tốc độ và thời gian như thế nào, một điều không thể phủ nhận là thống nhất đất nước vẫn là một xu thế tất yếu. Với tư cách là nước có sự “ràng buộc” lớn nhất ở bán đảo Triều Tiên, cái mà Mỹ cần cân nhắc là thể hiện vai trò như thế nào đối với xu thế ấy. Và hơn nữa, với thực trạng của CHDCND Triều Tiên và Hàn Quốc hiện tại vấn đề thống nhất đất nước ở bán đảo này đang trở nên xa xôi và rất khó để dự đoán. Nhưng lịch sử đã chứng minh, điều gì hợp quy luật thì sẽ phát triển; và ngược lại sẽ bị đào thải, thay thế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thị Giang (2001). *Quan hệ CHDCND Triều Tiên và Hàn Quốc (từ 1948 đến nay)*. Luận văn Thạc sĩ Sử học, chuyên ngành Lịch sử Thế giới, Trường ĐHSP Hà Nội I, Hà Nội.
- [2]. Hoàng Văn Hiến, Đỗ Mạnh Đức (2003). Quá trình phát triển kinh tế của CHDCND Triều Tiên từ sau cuộc chiến tranh Triều Tiên đến cuối thập niên 1990. *Tạp chí nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 47, 14 – 21.
- [3]. Trịnh Văn Sỹ (2001). *Vấn đề Triều Tiên trong quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay*. Khóa luận tốt nghiệp cử nhân sử học, Trường ĐHSP Hà Nội I, Hà Nội.
- [4]. *Tài liệu tham khảo đặc biệt - Thông tấn xã Việt Nam ngày 15 – 8 – 2000*.
- [5]. Thông tấn xã Việt Nam (2004). *Nóng bỏng bán đảo Triều Tiên*. NXB Thông tấn, Hà Nội.
- [6]. http://www.mofa.gov.vn/khu_vuc_chau_A_-_Thai_Binh_Duong/_CHDCND_Triều_Tiên/Hàn_Quốc.
- [7]. <http://www.qdnd.vn/qdndsites/vi-vn/61/43/phan-tich/nuoc-mat-va-phep-mau-tren-ban-dao-trieu-tien/288699.html>.
- [8]. <http://www.inas.gov.vn/206-tong-quan-ve-quan-he-han-my.html>.
- [9]. <http://tuoitre.vn/The-gioi/577332/han-quoc-my-dam-phan-chia-se-chi-phi-quan-su.html>.

**AMERICA'S POLICY ON REUNIFICATION OF KOREAN PENINSULA
DURING AND AFTER THE COLD WAR**

Tran Thi Tam

Department of History, Hue University of Sciences

Email: tamklsdhkh@gmail.com

ABSTRACT

We can say that, the Korean peninsula is the "final borders" of the Cold War until now. Therefore, the relationship between South Korea and North Korea is still in war situation, with the conflicts, tensions always standing in this peninsula. Be considered as a strategic position on the "geopolitical chessboard" of Northeast Asia area, the Korean peninsula has always attracted the attention and involvement of major powers such as Russia, Japan, China, and especially The United States (US). For the U.S., the Korean peninsula is "the anchor" help the U.S to set up a position in Northeast Asia where have another potentially forces challenge the U.S's influence in this region and around the world not only during the Cold War but also after the Cold War period. All the political action of this divided peninsula, so that do not be outside of the United States' control. So, what is the U.S's real attitude and policy towards reunification of the Korean peninsula? The aim of this article, by finding out the U.S policy on South Korea and North Korea, to clarify the American's attitude toward the reunification on the Korea Peninsula.

Keywords: *America, Korean Peninsula, the Cold War.*